

Số 3919/TB-STC

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 10 năm 2020

## **THÔNG BÁO**

### **Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019**

**Đơn vị được thông báo: Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên**

**Mã chương: 512**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2019 của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên;

Sở Tài chính Thái Nguyên thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019 của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên như sau:

#### **1. Số liệu quyết toán**

a) Thu phí, lệ phí: không có

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 10.467.831.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 7.801.000.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 2.666.831.000 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 10.467.831.000 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 10.460.526.000 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 7.305.000 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

*(Số liệu chi tiết theo Phụ biểu đính kèm)*

**2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:** không

#### **3. Thuyết minh số liệu quyết toán**

Kinh phí giảm trong năm 7.305.000 đồng do đơn vị không sử dụng hết dự toán được giao.

## **II. Nhận xét**

- Mẫu biểu báo cáo tài chính tổng hợp lập đầy đủ, phản ánh được tình hình kinh phí và số kinh phí đề nghị quyết toán.

- Đơn vị lập và gửi báo cáo quyết toán năm đảm bảo thời gian quy định.

**Nơi nhận:**

- Hội Liên hiệp phụ nữ VN;
- Lưu VT, TC-HCSN.  
(Linhntt/2020/4b)

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Thị Anh Dung**

SỞ TÀI CHÍNH THÁI NGUYÊN

Phụ biểu

SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Thông báo số 39/STC-HCSN ngày 01 / 10/2020 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Phần I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 340		LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 362	TỔNG SỐ	KHOẢN 091
A	B	C	I=2+4	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1					
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2					
	- Kinh phí đã nhận	3					
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4					
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5					
	- Kinh phí đã nhận	6					
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7					
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	10.467.831.000	10.367.831.000	10.367.831.000	100.000.000	100.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9	4.568.000.000	4.568.000.000	4.568.000.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	5.899.831.000	5.799.831.000	5.799.831.000	100.000.000	100.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	10.467.831.000	10.367.831.000	10.367.831.000	100.000.000	100.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	4.568.000.000	4.568.000.000	4.568.000.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	5.899.831.000	5.799.831.000	5.799.831.000	100.000.000	100.000.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	10.467.831.000	10.367.831.000	10.367.831.000	100.000.000	100.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	4.568.000.000	4.568.000.000	4.568.000.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	5.899.831.000	5.799.831.000	5.799.831.000	100.000.000	100.000.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	10.460.526.000	10.360.526.000	10.360.526.000	100.000.000	100.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	4.568.000.000	4.568.000.000	4.568.000.000		
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	5.892.526.000	5.792.526.000	5.792.526.000	100.000.000	100.000.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	7.305.000	7.305.000	7.305.000		
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21 =22+23+24)	21					
	- Đã nộp NSNN	22					

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 340		LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 362	TỔNG SỐ	KHOẢN 091
A	B	C	$I=2+4$	2	3	4	5
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18- 22-31)	23					
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24					
6.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)</i>	25	7.305.000	7.305.000	7.305.000		
	- Đã nộp NSNN	26					
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19- 26-34)	27	7.305.000	7.305.000	7.305.000		
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28					
7	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)</b>	29					
7.1	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)</i>	30					
	- Kinh phí đã nhận	31					
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32					
7.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)</i>	33					
	- Kinh phí đã nhận	34					
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35					
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ</b>						
<b>III</b>	<b>NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI</b>						
<b>B</b>	<b>NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI</b>						
<b>C</b>	<b>NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>						







